

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 6 – 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Điện.
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà Linh là Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2022/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Yên N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Khóm R, Phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thái K, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Nhưng từ năm 2021 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, anh K thường xuyên nhậu nhẹt không quan tâm vợ con nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh K đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh K và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Cát V (giới tính: Nữ), sinh ngày 25/8/2020 và Nguyễn Phạm Cát H (giới tính: Nữ), sinh ngày 21/5/2019. Hiện các con chung đang sống với anh K. Chị N đồng ý giao 02 con

chung cho anh K nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị tự thỏa thuận với anh K.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thái K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị N không còn yêu thương và thuận thảo, bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Cát V (giới tính: Nữ), sinh ngày 25/8/2020 và Nguyễn Phạm Cát H (giới tính: Nữ), sinh ngày 21/5/2019. Anh K yêu cầu được nuôi hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh K, bị đơn anh K vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến bị đơn, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Thái K có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* anh Nguyễn Thái K là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Yến N và anh Nguyễn Thái K tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, khi có mâu thuẫn anh chị không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài, hiện tại anh chị đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, yêu thương nhau và đều thống nhất ly hôn. Mặt khác, Tòa án cũng đã tiến hành mời hòa giải cho anh chị nhưng anh K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không đến Tòa. Điều đó chứng tỏ tình cảm của anh chị đối với nhau không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh K.

[5] *Về con chung:* Chị N và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Cát V (giới tính: Nữ), sinh ngày 25/8/2020 và Nguyễn Phạm Cát H (giới tính: Nữ), sinh ngày 21/5/2019. Các con hiện tại do anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cũng

thống nhất giao cho anh K nuôi, chị không có tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử định giao các con chung cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Tuy nhiên do chưa có yêu cầu, nên Tòa không xem xét trong cùng vụ án này.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Yến N được ly hôn với anh Nguyễn Thái K.

2. Về con chung: giao các con chưa thành niên có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Cát V (giới tính: Nữ), sinh ngày 25/8/2020 và Nguyễn Phạm Cát H (giới tính: Nữ), sinh ngày 21/5/2019 cho anh Nguyễn Thái K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị Yến N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc chị Phạm Thị Yến N chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007937 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T, PH, HG.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Em